

## TƯỢNG ẤN, VẬT CẦM

Về tượng ấn và vật cầm tay của chư Phật và Bồ-tát thì từ thế kỷ thứ 7 Tây-lịch về sau, tức khoảng từ khi Mật-giáo của Ấn-độ hưng-khởi trở đi, mới được xem trọng. Ngón tay duỗi ra hay co lại đều phải hợp với quy định ghi chép trong các kinh.

Hiện tại ở Ấn-độ khi quan sát các tượng Phật rất cổ xưa thì thấy có tượng gọi là “giơ tay nói pháp”; tức là tay trái cầm một ché áo cà-sa. Hình tượng giơ tay phải thì đến thế kỷ thứ tư, thứ năm mới thấy lưu-hành và được du-nhập vào Tàu vào thời Bắc Ngụy. Tới thế kỷ thứ 7, có tượng gọi là “đồ hình thành đạo”, tay trái của tượng ngồi đặt ở dưới rốn, tay phải duỗi ra che gối phải, đầu ngón chấm đất, gọi là “xúc địa ấn”. Riêng có một đồ hình gọi là “thuyết-pháp đồ” hay thường được gọi là “chuyển pháp luân ấn”, tức hai tay để trước ngực: tay phải hướng ra ngoài, hai ngón cái và trỏ áp vào nhau làm thành bánh xe. Đây là vào thời-kỳ đầu nhà Đường do Pháp-sư Huyền Trang và Vương Huyền Sách truyền-nhập vào nước Tàu.

Tuy nhiên, tùy theo từng thời-đại, việc tạo tượng cũng có nhiều thay đổi. Vào lúc đầu, ấn chuyển pháp luân chưa được lưu-hành, đến khi được lưu-hành thì chỉ có một loại: hai tay đều để trước ngực, các ngón đều cong lại, tay phải trên tay trái dưới. Tượng ấn này lưu-hành tại Ấn-độ trên các di-tượng lập vào thế-kỷ thứ bảy Tây-lịch bây giờ còn thấy rõ. Do đó, tượng-ấn này đã biến thành Trí-quyền ấn của đức Đại-Nhật Như-Lai trong Kim-Cang giới.

Ngoài ấn đó ra, còn có một ấn mà đời sau gọi là Định-ấn: hai tay đều đặt trên đôi ống chân xếp lại trong tư-thế ngồi kiết-già. Nói chung, lúc mới bắt đầu tạo tượng ở Ấn-độ, các tượng ấn đều biểu-thị ý-nghĩa của giáo-thuyết, tùy theo thời-kỳ, thời-đại mà dấu ấn thay. Dựa theo giáo-nghĩa mà giải thích thì các dấu ấn đó càng ngày càng trở nên phức-tạp, khó-khăn, và tạo thành những loại tượng ấn chẳng giống nhau.

Tượng ấn được phân-định thành các loại như sau:

1. **Ấn Thí Vô-úy:** đưa thẳng tay cánh tay trái lên, duỗi cả năm ngón, bàn tay hướng về phía trước. Ấn này biểu-lộ tư-tưởng ban-bố sự không sợ hãi cho chúng sanh. Nói một cách khác là đức Phật vì muốn cứu vớt chúng-sanh, khiến cho tâm họ được nhiều yên-ổn, nên làm ra tượng ấn này, được sử dụng trong lúc nói pháp, như trong kinh luận nói “giơ tay nói pháp” là ý-nghĩa như vậy. Còn có một cách bắt ấn khác là cong tay lại, bàn tay hướng ra ngoài, và cũng được gọi là Ấn Thí Vô-úy.

2. **Ấn Thí-Nguỵên:** duỗi cánh tay hướng ra ngoài, các đầu ngón tay chỉ xuống. Còn được gọi là ấn Dữ-nguỵên. Đó là tượng ấn của Phật và điều mong cầu của chúng-sanh nên được biểu-lộ tư-tưởng “ban cho” bằng cách ấy.

3. **Ấn Định-Pháp giới:** đây là ấn của đức Đại-Nhật Như-Lai kiết (bắt ấn) trong Mạn-trà-la của Thai-tạng giới: giữa bàn tay trái đặt trên chân ngồi kiết-già, giữa bàn tay phải trên bàn tay trái, hai đầu ngón cái cụng vào nhau.

4. **Ấn Trí-quyền**: đây là ấn của đức Đại-Nhật Như-Lai trong Mạn-trà-la của Kim-Cang giới. Trước hết bắt ấn Kim-Cang quyền: bấm đầu ngón cái vào gốc ngón áp út của cả hai bàn tay, xong nắm chặt lại. Kế đến là duỗi thẳng ngón trỏ của bàn tay trái và chui vào lòng bàn tay phải từ phía ngón út để chạm phải đầu ngón cái đang được bốn ngón còn lại nắm chặt. Để cả hai nắm tay trước ngực, tay phải cao hơn tay trái và lưng bàn tay hướng ra ngoài.

5. **Ấn xúc địa** (chạm đất): duỗi tay phải, che gối phải, đầu ngón tay chạm đất. Đây là ấn của đức Phật A-Súc trong Mạn-trà-la của Kim-Cang giới.

6. **Định Ấn Lực-đoan** (còn gọi là **Ấn Diệu-quan-sát trí**, hoặc **Định-Ấn Di-Đà**): Đây là tướng ấn của đức A-Di-Đà Như-Lai trong Mạn-đà-la của Thai-Tạng giới: đặt giữa bàn tay phải trên bàn tay trái cũng để giữa ngang dưới rốn. Co hai ngón trỏ lại, lưng của hai ngón này cụng sát vào nhau, ấn hai đầu ngón cái chạm vào nhau và đề lên hai ngón trỏ đang cong này.

7. **Ấn thuyết pháp** (hay là **Ấn chuyển pháp-luân**)” Đây là tướng ấn của Phật, khi ngài nói pháp cho chúng-sanh nghe. Để hai tay trước ngực: bàn tay trái hướng vào trong, co ngón cái, ngón giữa và ngón áp út vào, để thẳng ngón trỏ và ngón út; bàn tay phải hướng ra ngoài, chỉ co ngón cái và ngón trỏ.

8. **Ấn An-uy**: cong bàn tay phải hướng ra ngoài, ngón cái, ngón trỏ chụm vào nhau thành vòng tròn; các ngón khác thẳng đứng lên làm thế dẫn. Đó là tướng sắp nghênh tiếp Phật.

9. **Ấn kiết-tường**: Đây là tướng ấn của Đức Thích-Ca Như-Lai được ghi trong kinh Đại-Nhật số: dựng đứng bàn tay phải, hướng ra ngoài, ngón cái đề lên ngón áp út.

10. **Ấn hợp chưởng**: Rất nhiều cách chấp tay. Thường thấy nhất là kim-cang hợp chưởng, kiên-thực hợp chưởng, xoa thủ hợp chưởng, quy-mạng hợp chưởng, v.v.. Hai cách đầu thì hai tay để trước ngực, dựng hai bàn tay áp chặt vào nhau; mỗi ngón tay của bàn tay này áp sát với mỗi ngón của bàn tay kia thành từng đôi. Hai cách sau thì các ngón tay đan vào nhau lúc áp hai bàn tay vào nhau.

Trên đây là so sánh các tướng ấn chính yếu. Ngoài ra trong Mật-giáo có nói đến nhiều loại bắt ấn khác, chẳng hạn như: ấn của Minh-vương Hàng-tam-thế, ấn của Minh-vương Quân-trà-lợi, v.v.. Các cách khác nữa sẽ được đề cập trong mục nói về “vật Cầm Tay”.

Trong khi lễ bái các tôn-tượng, chúng ta nên biết phân biệt đức Phật nào, vị Bồ-tát nào. Đầu tiên nên quan-sát trong tay của mỗi vị có cầm vật gì. Nói chung, hình-tượng Phật lúc kinh hành thì cầm bình-bát, đức Dược-Sư Như-Lai thì giữ lọ thuốc; ngoài ra, trong tay chư-vị không cầm vật gì khác. Nhưng tượng Bồ-tát, tượng Minh-vương, tượng chư Thiên, Thần, v.v.. thì vật cầm tay của các vị này rất khác nhau, nhưng phần nhiều chư-vị cầm hoa sen, các loại hoa, quả của cây bạch-xương bồ (nói gọn là cây bồ), cây đào, v.v., các loại vũ-khí như chày kim-cang, kiếm, kích ba chia, các loại đồ dùng như bình báu, tù-và, ống sáo, v.v...

Ý-nghĩa biểu-thị qua các vật cầm tay này dựa vào bốn nguyên của chư vị. Trong Mật-giáo có nói chi-tiết. Muốn biết tường-tận chân-đế của các vật này, có thể hỏi bậc A-xà-lê để được khai-thị. Trong phạm vi sách này không thể thuật rõ được.

Ở đây chỉ có thể kể qua các vật thường thấy chư vị cầm tay như sau:

- Nhật-Quang Bồ-tát cầm hoa Mạn-thù-sa.
- Hoan-hỷ thiên cầm La-bặc (rau cải),
- Khổng-tước Minh-vương và Mẫu thần Quý-tử cầm quả kiết-tường,
- Chư vị kim-cang tát-đoả thì cầm chày kim-cang 5 chấu.
- Chư Bồ-tát kim-cang quyền cầm 1 cái vòng 10 chữ.
- Bồ-tát Đại-Tuỳ cầu cầm kiếm và búa,
- Nhất kế La-Sát Bồ-tát cầm buá lớn có mũi nhọn,
- Đại-luân Minh-vương cầm kích ba chia,
- Nát-lý đế Quý-vương đều cầm dao,
- Đề-dầu la-sát Thiên-vương và Đại-phạm Thiên-vương cầm xà mâu,
- Bồ-tát Kim-Cang phong cầm mũi nhọn kim-cang,
- Chư Diễm-man đức Minh-vương cầm gậy,
- Chư Bồ-tát Tam-muội vương cầm gậy như-ý,
- Chư Mã-dầu Minh-vương cầm sào ba chia,
- Bồ-tát Kim-cang sào cầm sào kim-cang,
- Ái Kim-cang cầm tràng ma-yết,
- Diễm-ma thiên cầm tràng đàn-noa,
- Hoả-tiên cầm trượng tiên,
- Ma-lợi chi tiên cầm quạt trời,
- Bồ-tát trừ cái-chướng cầm như-ý,
- Bồ-tát Khổng-tước vương cầm đuôi khổng-tước.

Ngoài các vị nói trên, có một hoá-thân của Bồ-tát Quan-Thế-Âm hiện một ngàn tay; số vật của ngài cầm có đến trên 40 loại khác nhau.

